ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09 /2015/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 10 tháng 4 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 12/TTr-SCT ngày 27/3/2015 và Báo cáo thẩm định số 72/BC-STP ngày 23/3/2015 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 48/2006/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tiến Dũng

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN và các đoàn thể tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học;
- PVP UBND tỉnh (Th);
- P KT-TH (T_u);
- Lưu: VT, Mi37/4.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 09 /2015/QĐ-UBND ngày 20 /4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguồn kinh phí, nguyên tắc, nội dung, mức hỗ trợ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với hoạt động quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, đơn vị kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Cà Mau thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách khuyến công theo quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công.

2. Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công cấp tỉnh, giao cho Sở Công Thương quản lý, tổ chức thực hiện.

2. Ngân sách cấp huyện, cấp xã bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công cấp huyện, cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, tổ chức thực hiện.

3. Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện mục tiêu khuyến công.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công

1. Việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công, Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương, Quy chế này và các quy định có liên quan, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

2. Kinh phí khuyến công cấp tỉnh bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Sở Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện đối với những hoạt động, sản phẩm sản xuất có ý nghĩa phù hợp với chiến lược, quy hoạch về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

3. Kinh phí khuyến công cấp huyện, cấp xã bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động, sản phẩm sản xuất có ý nghĩa phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của địa phương.

4. Đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu theo quy định của Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

Chương II
NỘI DUNG, MỨC CHI HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Điều 5. Danh mục ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1, Điều 2 Quy chế này đầu tư sản xuất vào các ngành, nghề sau đây được hưởng các chính sách khuyến công theo Quy chế này:

a) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

b) Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.

c) Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng.

d) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

đ) Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.

e) Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

g) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

2. Căn cứ quy định của Trung ương và tình hình phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu của công tác khuyến công trong từng thời kỳ, Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung ngành, nghề được hưởng các chính sách quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 6. Nguyên tắc ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên: Ưu tiên các chương trình, đề án thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; các huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số; huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

2. Ngành nghề ưu tiên:

a) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản; công nghiệp cơ khí, hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp hỗ trợ; áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp.

b) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm thuộc các chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp trọng điểm của tỉnh; sản xuất các sản phẩm có thị trường xuất khẩu; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động địa phương.

3. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này do ngân sách cấp tỉnh đảm trách thì do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, do ngân sách cấp huyện đảm trách thì do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, do ngân sách cấp xã đảm trách thì do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt đảm bảo tính khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn, nhưng không quá 1,5 lần mức hỗ trợ quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

Các nội dung chi hoạt động khuyến công địa phương gồm:

1. Nội dung chi hoạt động khuyến công cấp tỉnh bao gồm các nội dung theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương phù hợp với yêu cầu, quy mô hoạt động khuyến công cấp tỉnh.

2. Nội dung chi hoạt động khuyến công cấp huyện:

Chi cho hoạt động thường xuyên của các cộng tác viên khuyến công cấp huyện và các nội dung khác theo Điều 5 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương phù hợp với yêu cầu, quy mô hoạt động khuyến công cấp huyện.

3. Nội dung chi hoạt động khuyến công cấp xã:

Chi cho hoạt động thường xuyên của cộng tác viên khuyến công cấp xã và các nội dung khác theo Điều 5 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương phù hợp với yêu cầu, quy mô hoạt động khuyến công cấp xã.

Điều 8. Mức chi hoạt động khuyến công

Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến công cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Quy chế này quy định cụ thể một số mức chi sau:

1. Một số mức chi chung cho hoạt động khuyến công cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Thực hiện theo Khoản 1, Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

2. Mức chi cụ thể hoạt động khuyến công địa phương (bao gồm từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã):

a) Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh khả thi; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.

c) Chi hỗ trợ đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình.

d) Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 140 triệu đồng/cơ sở.

đ) Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ, bao gồm: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban Tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo phân cấp cụ thể:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho tổ chức hội chợ triển lãm cấp tỉnh và tham gia hội chợ cấp khu vực, cấp quốc gia theo dự toán cụ thể của Sở Công Thương.

- Ngân sách cấp huyện hỗ trợ cho việc tổ chức hội chợ triển lãm cấp huyện và tham gia hội chợ cấp tỉnh.

- Ngân sách cấp xã hỗ trợ cho việc tham gia hội chợ triển lãm cấp huyện.

- Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong tỉnh được Sở Công Thương cử tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước. Mức hỗ trợ 80% giá thuê gian hàng (trên cơ sở dự toán hàng năm của Sở Công Thương).

e) Chi tổ chức bình chọn và cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện:

- Chi tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh, cấp huyện. Mức hỗ trợ không quá 80 triệu đồng/lần đối với cấp tỉnh, 50 triệu đồng/lần đối với cấp huyện.

- Chi thưởng sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn: đạt giải cấp tỉnh được thưởng không quá 04 triệu đồng/sản phẩm; đạt giải cấp huyện được thưởng không quá 03 triệu đồng/sản phẩm.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

g) Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/thương hiệu (chỉ hỗ trợ đối với sản phẩm đã được công nhận thương hiệu).

h) Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

i) Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

k) Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 40 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp tỉnh.

l) Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 80 triệu đồng/cụm liên kết.

m) Chi hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp (hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư): Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn, không áp dụng đối với các khoản vay đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam (khi có nhu cầu phát sinh Sở Công Thương phối hợp Sở Tài chính xây dựng đề án trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cụ thể).

n) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

o) Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 1.000 triệu đồng/cụm.

p) Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí lập quy hoạch, nhưng không quá 300 triệu đồng/cụm.

q) Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 2.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.

3. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công:

a) Cấp tỉnh:

- Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công cấp tỉnh được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để chi cho các nội dung theo Điểm s, Khoản 2, Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

- Cơ quan triển khai và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cấp tỉnh được chi tối đa 2,5% dự toán đề án khuyến công để chi cho các nội dung theo Điểm s, Khoản 2, Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương.

b) Cấp huyện:

- Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công hàng năm của cấp huyện để thực hiện các công việc như Điểm a, Khoản 3 Điều này.

- Cơ quan triển khai và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cấp huyện được chi tối đa 2,5% dự toán đề án khuyến công của cấp huyện để thực hiện các công việc như Điểm a, Khoản 3 Điều này.

c) Cấp xã: Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công cấp xã được chi tối đa 1,5% kinh phí khuyến công và 2,5% dự toán đề án khuyến công của cấp xã để thực hiện các công việc như Điểm a, Khoản 3 Điều này.

Điều 9. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Nội dung hoạt động và danh mục ngành nghề phải phù hợp với quy định tại Điều 4 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ và Điều 5 Quy chế này.

2. Nhiệm vụ, đề án khuyến công được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (Ủy ban nhân dân tỉnh đối với khuyến công cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với khuyến công cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với khuyến công cấp xã).

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án được đơn vị khảo sát thực tế có ý kiến thống nhất và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

Chương III
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG

Điều 10. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công

1. Lập và phân bổ dự toán:

a) Đối với kinh phí khuyến công cấp tỉnh:

- Quý I hàng năm, Sở Công Thương hướng dẫn Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau lập danh mục đề án đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công phần đề xuất cấp tỉnh hỗ trợ, gửi Sở Công Thương (qua đầu mối Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp); đồng thời gửi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để báo cáo.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tổ chức tiếp nhận, kiểm tra phần đề xuất của Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau; đồng thời dự toán phần kinh phí hoạt động khuyến công tại Trung tâm, xây dựng dự toán chung kinh phí khuyến công cấp tỉnh, trình Sở Công Thương xem xét, gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

- Sau khi dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Công Thương giao cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp quản lý; phối hợp Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau tiến hành khảo sát, đánh giá tính khả thi cụ thể từng chương trình, đề án, lập kế hoạch phân khai kinh phí khuyến công trình Sở Công Thương phê duyệt để triển khai thực hiện, sau khi được Sở Tài chính thẩm định.

- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công cấp tỉnh. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau tiếp nhận, tổng hợp, kiểm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến đề nghị Sở Công Thương xem xét phê duyệt, thực hiện.

b) Đối với kinh phí khuyến công cấp huyện: Do Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau thực hiện lập dự toán, gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện.

c) Đối với kinh phí khuyến công cấp xã: Do Ủy ban nhân dân xã xem xét, lập dự toán, quyết định và tổ chức thực hiện.

2. Chấp hành dự toán:

a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

b) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ, theo hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước theo chế độ hiện hành.

3. Công tác hạch toán, quyết toán:

Việc hạch toán và quyết toán kinh phí khuyến công phải đảm bảo đúng theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

Điều 11. Ngừng triển khai và điều chỉnh, bổ sung đề án khuyến công địa phương

1. Đối với các đề án, dự án không đáp ứng mục tiêu, nội dung, tiến độ thực hiện, hoặc trong thời gian thực hiện đề án, dự án nếu đơn vị được hỗ trợ dừng hoặc chuyển đổi hình thức sản xuất, kinh doanh, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp kịp thời có văn bản trình Sở Công Thương xem xét, ban hành quyết định ngừng thực hiện và điều chỉnh, bổ sung mới phù hợp với nội dung và nguồn kinh phí được phân bổ.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

2. Đơn vị được hỗ trợ có trách nhiệm giao nộp tất cả phần kinh phí đã hỗ trợ (nếu có) về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp. Trường hợp ngừng vì lý do bất khả kháng (lý do khách quan, ngoài ý muốn chủ quan của doanh nghiệp), đơn vị thụ hưởng và Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp báo cáo từng trường hợp cụ thể, trình Sở Công Thương xem xét, quyết định.

3. Đối với đề án, nội dung khuyến công cấp huyện: Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện và Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Đối với đề án, nội dung khuyến công cấp xã: Do Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định.

Điều 12. Kiểm tra, giám sát, thông tin báo cáo

1. Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, đánh giá định kỳ 3 tháng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ, đề án khuyến công trong phạm vi toàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá định kỳ 3 tháng báo cáo Sở Công Thương về hoạt động khuyến công tại địa phương.

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, thụ hưởng kinh phí khuyến công

1. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý chương trình, đề án; lập, phân bổ kinh phí khuyến công, kiểm tra, giám sát thực hiện có trách nhiệm chấp hành thực hiện đúng các quy định có liên quan nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, phòng tránh vi phạm.

2. Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ, thụ hưởng kinh phí khuyến công có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện chế độ thanh, quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn và kế hoạch, danh mục đề án khuyến công hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện; đồng thời làm cơ sở cho việc xây dựng dự toán kinh phí khuyến công.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện mục tiêu khuyến công.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

3. Đề xuất và tổ chức thực hiện các đề án khuyến công quốc gia được phân giao theo quy định.

4. Tổ chức quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công cấp tỉnh; hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động khuyến công và quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công cho cấp huyện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về tình hình hoạt động khuyến công, sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh.

5. Giao nhiệm vụ cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp:

a) Tham mưu Sở Công Thương xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch khuyến công địa phương và quốc gia trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng đề án, kế hoạch, chương trình khuyến công.

c) Lập hồ sơ đề án, nhiệm vụ và dự toán chi tiết kinh phí thực hiện theo quy định. Phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện, Phòng Kinh tế thành phố Cà Mau, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện: ký hợp đồng và hướng dẫn các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện, nghiệm thu các đề án khuyến công được giao theo các quy định và thẩm quyền được giao.

d) Thanh lý và quyết toán các hợp đồng khuyến công theo quy định.

đ) Quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm; thực hiện việc giải ngân và thanh quyết toán kinh phí khuyến công đúng theo quy định hiện hành.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khuyến công theo kế hoạch chi tiết được phê duyệt.

Điều 15. Sở Tài chính

1. Tổng hợp dự toán kinh phí khuyến công hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; thẩm định dự toán phân khai nguồn kinh phí khuyến công đã được phân bổ để tổ chức thực hiện.

2. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định.

Điều 16. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau

1. Xây dựng Chương trình, kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và hoạt động khuyến công trên địa bàn.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cân đối bố trí dành một phần kinh phí giao Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Kinh tế để thực hiện các chương trình, đề án khuyến công đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

3. Chỉ đạo Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Kinh tế phát động, hướng dẫn, phân loại các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề thuộc đối tượng cần khuyến khích, hỗ trợ để xem xét, đề nghị cấp trên hỗ trợ và thực hiện việc hỗ trợ của địa phương.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap

4. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã có kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khuyến công cấp xã.

5. Tổ chức quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn theo thẩm quyền.

6. Phối hợp thực hiện các hoạt động khuyến công của Trung ương và của tỉnh trên địa bàn; thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm theo phân cấp trong Quy chế này và các quy định có liên quan.

Điều 17. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Có kế hoạch phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề và bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khuyến công cấp xã.

2. Phối hợp thực hiện các hoạt động khuyến công do cấp trên triển khai trên địa bàn; thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm theo phân cấp trong Quy chế này và các quy định có liên quan.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Sở Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng quý, năm tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, trường hợp có thay đổi văn bản nguồn hoặc có vướng mắc phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị phản ánh về Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Tiến Dũng

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhap